TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EAKAR** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/DSST
Ngày 20 - 8 - 2024
"*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Lý.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khắc Dũng và Ông Y Nik Ê Ban.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 138/2024/TLST – DS, ngày 03 tháng 06 năm 2024, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 8 năm 2023. Giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1960.
Trú tại: Thôn 07, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê B, sinh năm 1977. Trú tại: Số 50, đường N, TT. E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1975 và ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1972. Trú tại: Thôn 07, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê B trình bày:***

Xuất phát từ việc mua bán cám, nên ngày 28/11/2021 ông Đ bà Ph xác lập giấy vay của ông Q 100.000.000 đồng, mục đích chăn nuôi, thỏa thuận lãi suất 1,2%/tháng. Thời hạn vay 01 năm, đến ngày 28/11/2022 trả gốc và lãi. Tuy nhiên, từ ngày 28/11/2022 đến nay gia đình ông Đ bà P không thanh toán số tiền trên cho ông Q, ông Q cũng đã yêu cầu trả nợ nhưng không được buộc phải khởi kiện.

Việc bà P, ông Đ cho rằng đã trả 100.000.000 đồng tiền vay thì đề nghị cung cấp tài liệu chứng minh đã trả, không thừa nhận nội dung trình bày của bị đơn cho rằng đã trả 100.000.000 đồng.

Nguyên đơn đề nghị buộc ông Đ bà P trả tiền gốc 100.000.000 đồng, cùng với lãi suất trong hạn và lãi quá hạn, không yêu cầu tính lãi của lãi chậm trả.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:** Tôi xác định, khoản vay 100.000.000 đồng trong giấy vay ngày 28/11/2021 là khoản nợ cám trước đó, các bên thỏa thuận chuyển sang khoản nợ tiền vay để nhằm mục đích trả lãi cho ông Q. Tuy nhiên, tôi xác định trong năm 2023 (không nhớ rõ ngày tháng trả) vợ chồng tôi có trả cho ông Q 100.000.000 đồng nhưng do là chỗ họ hàng thân thiết nên không lập giấy tờ giao tiền và chưa trả lãi của khoản vay 100 triệu đồng từ ngày vay cho tới nay, mới trả gốc.

Đối với lời trình bày là trả 100.000.000 đồng vào ngày 10/01/2023 là không chính xác, hiện nay tôi xác định có trả 100 triệu vào năm 2023 nhưng không nhớ ngày tháng. Do đó, số tiền khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu là không đúng, nên tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Bị đơn ông Đỗ Văn Đ trình bày:** Tôi xác định, về số nợ, ngày vay 100.000.000 đồng trong giấy vay ngày 28/11/2021 là khoản nợ cám trước đó, các bên chuyển sang khoản nợ tiền vay để nhằm mục đích trả lãi cho ông Q. Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng chúng tôi đã trả nợ 100.000.000 đồng. Do đó, số tiền khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu là không đúng, nên tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 và 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; việc nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị P, ông Đỗ Văn Đ có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn Q 100.000.000 đồng, buộc trả lãi trong hạn và lãi quá hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả tiền vay theo giấy vay tiền ngày 28/11/2021. Đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay

tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm trả 100.000.000 đồng tiền vay gốc và lãi suất phát sinh. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Giữa ông Trần Văn Q với bà Nguyễn Thị P, ông Đỗ Văn Đ có mối quan hệ làm ăn mua bán cám, ông Q bán cám cho gia đình ông Đ để nhằm chăn nuôi. Thời điểm năm 2021, giữa các bên có chốt lại khoản nợ cám với nhau, đến ngày 28/11/2021 ông Đ bà P còn nợ tiền cam của ông Q là 266.025.000 đồng, nhưng không có tiền trả nợ, nên để tạo điều kiện cho bị đơn khất nợ, các bên tiến hành thỏa thuận chuyển 100.000.000 đồng tiền nợ cám thành khoản vay nhằm mục đích để cho ông Đ, bà P nợ lại tiền, đồng thời có trách nhiệm trả lãi đối với khoản tiền này, các bên thỏa thuận lãi suất là 1,2%/tháng. Do đó, các bên có xác lập giấy vay đề ngày 28/11/2021, hẹn đến ngày 28/11/2022 trả hết gốc và lãi. Nội dung thỏa thuận nêu trên trong quá trình giải quyết tại tòa án được các bên thừa nhận, nên đây là tình tiết không cần phải chứng mình theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật dân sự.

Bi đơn cho rằng, hiện nay đã trả 100.000.000 đồng tiền gốc cho ông Q, nhưng chưa trả lãi, thời điểm trả do là chỗ thân thiết, có mối quan hệ bà con với nhau nên chỉ đưa tiền mặt, các bên không lập giấy tờ giao nhận tiền, nên không đồng ý với đơn khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, việc bị đơn cho rằng đã trả nợ nhưng không cung cấp được chứng cứ, tài liệu để chứng mình cho lời trình bày của mình và cũng không được nguyên đơn là ông Q thừa nhận. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận đối với nội dung trình bày bị đơn.

Như vậy, theo nội dung thỏa thuận vay, thời hạn trả lãi và gốc là ngày 28/11/2022, nhưng cho đến thời điểm hiện tại chưa trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả đã cam kết được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Do đó, ông Q khởi kiện là có căn cứ, nên cần buộc bà Nguyễn Thị P, ông Đỗ Văn Đ có trách nhiệm trả 100.000.000 đồng cho ông Q.

[2.2] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi trong hạn và lãi quá hạn là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả lãi như sau:

- Lãi trong hạn tính từ ngày 28/11/2021 đến ngày 28/11/2022 của 100.000.000 đồng x 1,2%/tháng = 14.400.000 đồng;
- Lãi quá hạn tính từ ngày 29/11/2022 đến ngày 20/08/2024: 100.000.000 đồng x 1,2%/tháng x 150% x 596 ngày = 35.270.136 đồng;
- Lãi của lãi chậm trả: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Tổng tiền gốc và lãi là 149.670.136 đồng.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

[1]. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn Q.

Buộc bà Nguyễn Thị P, ông Đỗ Văn Đ có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn Q 149.670.136 đồng. (Một trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn, một trăm ba mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị P, ông Đỗ Văn Đ phải nộp 7.483.506 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Ông Trần Văn Q là người cao tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Trí Lý

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện EaKar
- Chi cục THADS huyện K.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.